SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 87 /QĐ-THPTCLQD	*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ Quyết định số 787/QĐ.UB ngày 4 tháng 4 năm 1986 của UBND tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng về việc thành lập Trường năng khiếu cấp 2 và cấp 3 tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng; Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 26 tháng 4 năm 1997 của UBND lâm thời thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Trường chuyên Lê Quí Đôn thành Trường phổ thông trung học chuyên Lê Quí Đôn; Quyết định số 15/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 2 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng đổi tên thành Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Kinh phí phục vụ Ban coi thi kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2026-2027);

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3. Văn phòng, kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: - Sở GDĐT TP ĐN; - Như Điều 3; - Lưu :VT, KT.	**HIỆU TRƯỞNG** TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN **Lê Thanh Hải**

Biểu số 2 theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018

Trường trung học phổ thông chuyên Lê Quý Đôn
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-THPTCLQĐ ngày ……/5/2026
của Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu học phí**	
I	**Số thu học phí**	
II	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	***Lệ phí***	
	Lệ phí…	
	Lệ phí…	
2	Phí	
	Phí …	
	Phí …	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	***69.550.000***
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	***69.550.000***
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**69.550.000**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (tính chất 18)	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	69.550.000
	- Kinh phí phục vụ Ban coi thi kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2026-2027	*69.550.000*

4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	

8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	